

TOP 6 BÀI CẢM NHẬN VỀ 8 CÂU THƠ CUỐI CỦA BÀI KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH CHỌN LỌC

Mẫu dàn ý: Cảm nhận đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích

Mở bài:

Đoạn trích **Kiều ở lầu Ngưng Bích** nằm ở phần thứ hai “Gia biến và lưu lạc”. Sau khi biết mình bị lừa vào chốn lầu xanh, Kiều uất ức định tự vẫn. Tú Bà sợ mất đi món hàng quý, bèn lựa lời khuyên giải, dụ dỗ. Mụ vờ chăm sóc, thuốc thang, hứa hẹn khi nàng bình phục, sẽ gả cho người tử tế. Sau đó người đàn bà thâm hiểm này đưa Kiều ra giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, đợi thực hiện âm mưu mới. 8 câu thơ cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là bức tranh tâm trạng đốn đau, tuyệt vọng của Thúy Kiều khi mới bước vào đời.

Thân bài:

Đoạn trích nằm giữa hai biến cố đau xót. Đây là những biến cố giúp ta hiểu những bàng hoàng tê tái và sự lo âu về tương lai của nàng Kiều. Tại lầu Ngưng Bích, Kiều không thôi buồn nhớ. Nàng nghĩ đến thân phận hoa trôi bèo nổi của mình rệu rã tâm hồn. Nàng còn nhớ đến Kim Trọng, nhớ đến đêm uống rượu hẹn thề mà đắng cay. Thấy thương Kim Trọng rày trông mai chờ mòn mỏi. Rồi nàng thương cha mẹ ngày đêm ngóng chờ. Song thân tuổi già hiu quạnh, không người kề cận mà xót xa trong lòng. Càng suy nghĩ, nàng càng đau đớn và tuyệt vọng. Nhìn ra bốn bề mong tìm lấy một sự trợ giúp nào đó. Thế nhưng, càng mong đợi, lại càng thấy xa vời, mờ mịt hơn:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu
Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi*

Đoạn thơ được xem là những dòng tuyệt bút của tác phẩm truyện Kiều. Không những Nguyễn Du gọi tả được nỗi buồn trong lòng người mà còn diễn đạt nó một cách chính xác. Thủ pháp **đặc tả nội tâm** đạt đến mức độ biện chứng tâm hồn. Chỉ với 8 dòng lục bát, thiên tài họ Nguyễn đã dựng nên bốn bức tranh tâm trạng đặc sắc. Mỗi bức là một ẩn dụ cho một trạng thái tâm lí của Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

Khởi đầu mỗi bức là điệp từ liên hoàn “buồn trông”. Điệp ngữ ấy được lặp lại 4 lần tạo âm hưởng trầm buồn. “Buồn trông” trở thành điệp khúc diễn tả nỗi buồn đang dâng lên lớp lớp trong lòng Kiều. Cảnh vật thiên nhiên qua con mắt của Kiều gợi nỗi buồn da diết.

Bóng chiều u uất nhuộm tím cả bức tranh. Không gian mênh mông, thời gian tàn tạ, khiến người đọc cảm nhận được nỗi buồn sâu dằng lóng lóng trong lòng người con gái **bo vơ, lạc lõng** nơi đất khách quê người:

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”*

Cánh buồm thấp thoáng, lúc ẩn lúc hiện nơi cửa bể chiều hôm gợi hành trình lưu lạc mờ mịt không biết đâu là bến bờ. Sức mạnh biểu đạt của từ láy đã được Nguyễn Du khai thác triệt để. Nó vừa gợi tả bức tranh thiên nhiên đơn điệu, buồn chán vừa ghi lại những cung bậc cảm xúc của người trước cảnh. Cảnh vật mở ra với cảnh biển chiều hôm. Cánh buồm thấp thoáng xa xa lúc ẩn, lúc hiện. Dõi theo cánh buồm trên biển xa mờ mịt, Thúy Kiều như muốn theo về với gia đình.

Con thuyền từ lâu được xem là vật kết nối giữa con người phương xa và gia đình, quê hương. Nó tựa như niềm hi vọng, niềm mong mỏi trở về đoàn tụ với cha mẹ và các em mà Thúy Kiều từng đêm mong nhớ. Nhưng càng hoài vọng càng thấy xa vời. Nguyễn Du đã khéo léo diễn tả tâm trạng chán chường, bất lực của Thúy Kiều trước nghịch cảnh.

Đến bức tranh thứ hai, Nguyễn Du dựng nên cảnh dòng nước với đóa hoa trôi. Cảnh vật được nhìn bằng ánh mắt sâu não đến ghê gớm:

*Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?*

Trong dòng nước mênh mang, cánh hoa trôi chao đảo, cứ dập dềnh, quẩn quanh, không biết trôi về đâu. Dòng nước ấy hay chính là dòng đời vạn biến. Cánh hoa trôi man mác trên ngọn nước mới sa gợi lên thân phận nhỏ bé, mỏng manh, lênh đênh trôi dạt trên dòng đời vô định không biết đi đâu về đâu. Số kiếp của bông hoa hay cũng chính là số kiếp của đời Kiều đầy thối. Càng nghĩ càng thêm đáng sợ.

Lỡ sa bước vào cạm bẫy cuộc đời giả trá Kiều nào có hay. Để đến nỗi giờ đây nàng cũng không biết đời mình sẽ đi đâu về đâu. Rồi phận gái long đong, tuổi xuân cao quý cũng sẽ bị cuộc đời vùi dập tan tành mà thôi. Câu hỏi tu từ như chạm vào nơi sâu thẳm của trái tim người đọc.

Dựng nên bức tranh này, Nguyễn Du muốn nói với chúng ta rằng Kiều đang rất bản khoăn và lo lắng cho tương lai của mình. Đó là một tương lai vô định, càng nghĩ ngợi càng thấy mờ mịt. Càng nhìn xa càng thấy mịt mờ. Dưới ánh mắt của Thúy Kiều, tất cả dường như mờ ảo, tan biến, ẩn giấu biết bao hoài nghi và bí mật:

*Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh*

Nội cỏ “rầu rầu” nhuộm màu đau thương trải rộng nơi chân mây mặt đất gọi cuộc sống úa tàn, **bi thương, vô vọng** kéo dài không biết đến bao giờ. Màu cỏ héo úa như sắp tàn lụi như sắp từ biệt vũ trụ, kết thúc cuộc đời ngắn ngủi. Màu cỏ hay cũng chính là tâm hồn của Thúy Kiều đang héo úa, heo hắt, rệu rã trước cuộc đời. Tâm trạng Thúy Kiều rơi vào trạng thái hoảng hốt, **tâm thức bản loạn vô cùng, nhìn đâu cũng thấy vô vọng**.

Đến bức tranh cuối cùng, xuất hiện cảnh biển sóng vỗ. Những đợt sóng cuộn trào, lớp lớp như đang muốn nhấn chìm mọi thứ, chìm xuống bể sâu người con gái nhỏ bé, đáng thương:

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghé ngôi*

Hình ảnh “gió cuốn mặt duềnh” và âm thanh âm âm của tiếng sóng “kêu quanh ghé ngôi” gọi **tâm trạng lo sợ, hãi hùng của Thúy Kiều. Nàng hoàn toàn tuyệt vọng trong cái nghịch cảnh trở trêu của mình**. Nó như báo trước những trắc trở, như vẽ ra con đường gian nan mà nàng sẽ phải đi qua. Chỉ ngay sau lúc này, giông bão của số phận sẽ nổi lên, xô đẩy, vùi dập cuộc đời Kiều.

Với những nét vẽ này, Nguyễn Du khắc họa đậm nét sự hoảng loạn, mất phương hướng trong tinh thần của Kiều. Nàng hoàng toàn tuyệt vọng trước dòng đời khắc nghiệt. Nàng cầu cứu trăm phương nhưng bất lực.

Độc đáo hơn, khi những bức tranh tâm trạng được cụ Nguyễn Du sắp xếp theo trình tự tăng tiến. Từ cảm giác hoang mang trước của biển, đến suy nghĩ về tương lai vô định, nỗi trôi của kiếp đời con gái. Sau đó là sự tuyệt vọng trước nghịch cảnh bế tắc, tối tăm. Cuối cùng, nàng rơi vào trạng thái hoang tưởng, tột cùng đau đớn và sợ hãi.

Bằng nghệ thuật ẩn dụ, hệ thống câu hỏi tu từ, các từ láy “thấp thoáng”, “xa xa”, “man mác”, “rầu rầu”, “xanh xanh”, “âm âm”... góp phần làm nổi bật nỗi buồn nhiều bề trong tâm trạng Kiều.

Tác giả lấy ngoại cảnh để bộc lộ tâm cảnh. Cảnh được miêu tả từ xa đến gần. Màu sắc từ nhạt đến đậm. Âm thanh từ tĩnh đến động. Nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ, dồn đến cơn bão táp của nội tâm, cực điểm của cảm xúc trong lòng Kiều. Toàn là hình ảnh về sự vô định. Sự vật mong manh, dạt trôi. Lòng người chao đảo nghiêng đổ dữ dội.

Cuối cùng hoàn toàn rơi vào bế tắc, tuyệt vọng đến tận cùng. Lúc này, Kiều bất lực, buông xuôi trước thực tại phũ phàng. Bởi thế, nàng ngày thơ mắc lừa Sở Khanh để rồi dẫn thân vào cuộc đời ô nhục sau đó.

Kết bài:

8 câu thơ cuối trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” đặc tả tâm trạng cô đơn, buồn tủi và khổ đau của Thúy Kiều. Nguyễn Du đã rất thành công khi vận dụng thủ pháp miêu tả tâm lí hết sức tinh tế, chân thực và sinh động. Tâm trạng của Thúy Kiều hay cũng chính là tâm trạng của tác giả trước cuộc đời đầy sóng gió phong ba. Ông có lúc cũng bế tắc, tuyệt vọng trên đường đời như chính nhân vật của ông vậy.

Bài văn mẫu 1: Cảm nhận về 8 câu thơ cuối Kiều lầu Ngưng Bích

Thể thơ lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc. Thể thơ ấy không chỉ thể hiện được cái tài hoa của người tác giả mà nó còn cho thấy cái hồn của tiếng Việt. Nhà thơ Nguyễn Du chọn thể thơ lục bát khi viết Truyện Kiều là ông đã làm được cả 2 điều trên. Truyện Kiều trở thành áng thi ca bất hủ của mọi thời đại. 8 câu thơ cuối trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích cũng đủ cho ta thấy được cái tài của Nguyễn Du khi tả cảnh ngụ tình. Cho đến nay, có lẽ chưa ai làm được điều này tốt như ông.

Thúy Kiều được miêu tả ở là người “sắc đành đòi một tài đành họa hai” nhưng “chữ tài đi với chữ tai một vần”. Những năm tháng “êm đêm chiếu rủ màn che” nhanh chóng kết thúc, thay vào đó là những năm tháng bi thương mà mở đầu là chuỗi ngày Kiều ở lầu Ngưng Bích:

Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu

Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi

Đây có lẽ là giai đoạn khó khăn với Thúy Kiều khi mà cuộc sống đã thay đổi hoàn toàn. Những ngày đầu tiên của kiếp đoạn trường, Kiều thương mình, thương gia đình, thương cả mối tình vừa mới chớm nở nhưng đã vội chia lìa. Lòng nàng đau như cát và nó khiến cho khung cảnh xung quanh cũng trở nên ảm đạm theo. Trong 8 câu cuối này, hai tiếng “buồn trông” được nhắc lại tới 4 lần. Có thể thấy lúc này, Kiều không còn ai để dựa vào ngoài chính mình. Nàng mong chờ thiên nhiên tươi đẹp mang đến cho nàng chút gì đó làm niềm vui nhưng không, với đôi mắt “buồn trông” thì nàng không thể nhìn thấy những điều tốt đẹp.

Thúy Kiều hướng đôi mắt của mình về phía xa, nơi có nhà của nàng, có một người nàng thương yêu nhưng chưa kịp nói lời từ biệt:

Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

Buổi chiều hôm là lúc mà khung cảnh trở nên ảm đạm. Cộng thêm cái nhìn của Thúy Kiều về nơi cửa bể quanh hiu càng làm tăng thêm sự nhỏ bé, nỗi cô đơn của Thúy Kiều. Xót xa thay cho người con gái bé nhỏ. Nàng tìm kiếm cho mình một chút hiện diện của sự sống như mong muốn vui đi nỗi cô đơn của mình:

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

Có thuyền, ắt hẳn phải có người. Nhưng sự sống ấy ở xa quá, chẳng đủ làm khóa lấp nỗi cô đơn của Thúy Kiều. Hai chữ “thấp thoáng”, “xa xa” chỉ làm tăng thêm cảm giác cô liêu. Bấu víu vào cánh buồm xa không được, Thúy Kiều hướng ánh mắt buồn trông về phía ngọn nước:

Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Cụm từ hoa trôi man mác khiến ta liên tưởng đến cánh bèo trôi. Cánh bèo thường được ví như thân phận của người phụ nữ. Hoa trôi về đâu? Cuộc đời của Thúy Kiều sau này sẽ đi về đâu? Thúy Kiều đặt ra câu hỏi cho cánh hoa nhưng cũng là đặt câu hỏi cho chính cuộc đời mình. Câu hỏi không có câu trả lời. Về đâu? Thúy Kiều cũng không biết được. Một cánh hoa trôi trên dòng nước lạnh lẽo, cô độc như Thúy Kiều của thực tại. Kiều lại đưa mắt về với mặt đất:

Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

Cỏ xanh không còn rợn chân trời như ngày tết thanh minh nữa mà giờ đã trở nên rầu rầu như tâm trạng của con người. Phải chăng, ngọn cỏ cũng hiểu cho tâm trạng của Kiều? Tâm trạng buồn rầu ấy phủ ngập lấy không gian xung quanh. Kiều nhìn xa về phía chân mây rồi lại nhìn gần xuống mặt đất nhưng nơi đâu cũng chỉ thấy một màu xanh xanh. Đó là một màu xanh xám ảm đạm của buổi chiều tà chứ không còn là màu xanh của sự sống trong tiết trời mùa xuân nữa. Chính nỗi buồn của Thúy Kiều đã nhuộm buồn màu xanh của cánh vật nơi lầu Ngưng Bích. Trong khung cảnh ấy, chỉ có Thúy Kiều với nỗi cô đơn, buồn tủi trong lòng. Nàng tha thiết tìm một tiếng vọng của sự sống nhưng không, những gì nàng nhận về chỉ có âm thanh của tự nhiên:

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghé ngòi

Cách lựa chọn từ ngữ của Nguyễn Du rất tinh tế. Tất cả đều nhằm nói lên thân phận bèo trôi của Thúy Kiều. Tiếng sóng âm âm ở đây là tiếng sóng lòng của Thúy Kiều. Điều đó đủ cho ta thấy trong lòng nàng tâm trạng giằng xé dữ dội như thế nào. Tiếng sóng không làm phá vỡ không gian yên tĩnh của không gian mà nó càng làm khắc sâu thêm tâm trạng đau đớn của Kiều. Đau đớn lắm chứ bởi lúc cần có người bên cạnh nhất thì Kiều chỉ tìm thấy được sự an ủi nơi thiên nhiên.

Đoạn thơ 8 câu đã nói lên được hết nỗi lòng của nàng Kiều khi ở lầu Ngung Bích. Bên cạnh đó, đoạn thơ cho thấy tài năng nghệ thuật bậc thầy của Nguyễn Du trong việc tả cảnh, ngụ tình. Khép lại đoạn thơ nhưng hình ảnh, âm thanh của nó vẫn sẽ còn lưu lại mãi trong tâm trí người đọc.

Bài văn mẫu 2: Cảm nhận về 8 câu thơ cuối Kiều lầu Ngung Bích

Tám câu thơ, mỗi cặp câu gợi ra một nỗi buồn sâu thẳm. “Buồn trông” là buồn mà nhìn xa, nhưng cũng là buồn mà trông ngóng một cái gì mơ hồ sẽ đến làm đổi thay tình trạng hiện tại. Hình như nàng mong một cánh buồm, nhưng cánh buồm chỉ thấp thoáng, xa xa, không rõ, như một ước vọng mơ hồ, mỗi lúc một xa. Nàng lại trông ngọn nước mới từ cửa sông chảy ra biển (theo Lê Văn Hòe), ngọn sóng xô đẩy cánh hoa phiêu dạt, không biết về đâu. Kiều ngồi trên lầu cao làm sao thấy được cánh hoa trên dòng nước. Đây chỉ là cảnh nàng tưởng tượng về số phận mình. Nàng lại trông thấy đồng cỏ úa tàn, chân mây, mặt đất một màu mờ mịt xanh xanh, tưởng như mịt mù không có chân trời. Nàng lại “trông gió cuốn mặt duềnh”. “Duềnh” là chỗ biển ăn sâu vào đất liền, thành vụng (theo Thạch Giang). “Gió cuốn mặt duềnh” làm cho sóng vỗ dào dạt, âm âm... Tất nhiên, dù lầu Ngung Bích có rất gần bờ biển cũng không thể nghe được “tiếng sóng kêu quanh ghé ngòi” được. Đây là hình ảnh vừa thực, vừa ảo, cảm thấy như sóng vỗ dưới chân, đầy hiểm họa, như muốn nhấn chìm nàng xuống vực. Tám câu thơ, câu nào cũng vừa thực vừa hư, vừa là thực cảnh, vừa là tâm cảnh. Toàn là hình ảnh về sự vô vọng, sự dạt trôi, sự bế tắc và sự chao đảo, nghiêng đổ. Đây chính là lúc mà tình cảm Kiều trở nên mong manh và yếu đuối nhất, là lúc mà nàng rất dễ rơi vào cạm bẫy, như nàng sẽ rơi vào tay Sở Khanh sau này. Trong đoạn thơ này, không gian bao la rộng ngợp, không một bóng người. Thời gian như dùn lại, không biết bao nhiêu buổi sáng, buổi chiều lặp lại. Con người trở nên nhỏ bé, bất lực, trợ trôi. Nghệ thuật trùng điệp như kéo dài nỗi buồn vô vọng, vô tận của con người.

Bài văn mẫu 3: Cảm nhận về 8 câu thơ cuối Kiều lầu Ngung Bích

Qua tám câu thơ cuối đoạn trích "Kiều ở lầu Ngung Bích", Nguyễn Du đã gián tiếp miêu tả tâm trạng Kiều bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình rất đặc sắc. Hình ảnh cánh buồm thấp thoáng ngoài biển xa mênh mông trong buổi chiều ta gợi lên không gian xa vắng của quê nhà và không khí tĩnh lặng, qua đó thể hiện rõ nỗi nhớ quê hương da diết trong lòng Kiều. Còn hình ảnh “hoa trôi man mác” là hình ảnh tả thực về những bông hoa trôi nổi,

bấp bênh trên mặt nước, bị sóng biển vùi dập, xô đẩy, qua đó diễn tả tâm trạng buồn tủi và những dự cảm tinh tế về tương lai không biết sẽ đi đâu về đâu của Thúy Kiều? Ôi cánh hoa mỏng manh như nàng Kiều đang ôm nỗi lo về số phận vô định trên dòng đời. Hình ảnh “nội cỏ rầu rầu” kéo dài đến tận “chân mây” vẫn chỉ một màu xanh đang héo úa ấy đã vẽ lên một cảnh tượng u ám, héo hắt, nó gợi cho người đọc cảm nhận được nỗi buồn triền miên, vô vọng của Thúy Kiều. Hai câu thơ cuối cùng tả cảnh "gió cuốn mặt duềnh" và âm thanh “ầm ầm tiếng sóng” gợi lên rất rõ cả hình ảnh, cả âm thanh của phong ba bão táp hung dữ sắp ập đến cuộc đời Kiều, khiến ta cảm thấy nỗi lo sợ hãi hùng trong lòng người con gái tài hóa trước bao tai họa ào ạt giáng xuống đời nàng. Thêm vào đó, Nguyễn Du còn dùng điệp ngữ “buồn trông” đặt ở đầu những câu thơ nhằm liên kết các hình ảnh trong cả đoạn thơ thành một chuỗi cảnh sầu thảm. Hơn nữa, từ “buồn trông” mang hai thanh bằng lặp đi lặp lại bốn lần trong bốn cặp thơ lục bát tạo nên âm hưởng trầm, buồn diễn tả nỗi sầu như kéo dài dằng dặc của nhân vật. Tám Câu thơ, bốn hình ảnh thiên nhiên, bốn điệp ngữ đã diễn tả thật phong phú, tinh tế mọi sắc thái nội tâm Thúy Kiều.

Bài văn mẫu 4: Cảm nhận về 8 câu thơ cuối Kiều lầu Ngưng Bích

Nguyễn Du không chỉ xuất sắc trong nghệ thuật miêu tả chân dung nhân vật mà còn là người có biệt tài miêu tả thiên nhiên, ngụ tâm tình, tình cảm của con người. Mỗi bức tranh dưới đôi bàn tay Nguyễn Du luôn luôn thực hiện hai chức năng chính: thể hiện ngoại cảnh và thể hiện tâm trạng. Tám câu thơ cuối trong bài "Kiều ở lầu Ngưng Bích" đã cho thấy rõ biệt tài này của ông.

Sau khi bị lừa bán vào lầu xanh, Kiều sống trong đau đớn, ê chề, với bản tính là con người trọng nhân phẩm, Kiều đã tìm đến cái chết để giải thoát nhưng không thành công. Thúy Kiều bị Tú Bà giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, chờ đến ngày thực hiện âm mưu mới. Những ngày ở lầu Ngưng Bích nàng sống trong đau đớn, tủi hổ, cô đơn, tuyệt vọng đến cùng cực.

Trong nỗi cô đơn, dường như ai cũng một lòng hướng về gia đình. Người con gái trong ca dao, dù lấy chồng, nhưng trong những khoảnh khắc ngày tàn vẫn tha thiết nhớ về quê mẹ:

Chiều về ra đứng ngõ sau

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều

Hướng chi là nàng Kiều, thân phận nổi trôi, bán mình cứu gia đình, thì nỗi nhớ gia đình lại càng da diết hơn bao giờ hết:

Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.

Không gian mênh mông của cửa bể kết hợp với hình ảnh thuyền thấp thoáng phía xa gợi lên không gian rộng lớn, hoang vắng. Cánh buồm dường như trở nên nhỏ bé hơn trong không gian rộng lớn ấy. Thân phận nàng cũng chẳng khác gì cánh buồm kia, lênh đênh, nhỏ nhoi giữa cuộc đời bất định. Đồng thời ông cũng rất khéo léo lựa chọn thời gian cho nỗi nhớ, ấy là "chiều hôm". Trong văn học không gian buổi chiều thường gợi ra nỗi buồn man mác, ở đây trong hoàn cảnh của Kiều nỗi buồn ấy gắn với khát khao được sum họp, đoàn tụ, được trở về bên quê hương, gia đình.

Sau nỗi buồn tha hương, xa xứ, nàng nghĩ về thân phận mình mà lại càng đau lòng hơn: Buồn trông ngọn nước mới sa/ Hoa trôi man mác biết là về đâu? Hình ảnh ẩn dụ "hoa trôi" là biểu trưng cho thân phận của nàng Kiều. Ngọn nước mới sa kia có sức mạnh ghê gớm, là những giông bão, sóng gió trong cuộc đời đã vùi dập cuộc đời nàng. Những cánh hoa trôi man mác cũng như thân phận bé bỏng, mong manh của nàng. Cuộc đời nàng lênh đênh theo dòng đời, không biết tương lai sẽ đi đâu về đâu. Câu hỏi tu từ "biết là về đâu" như một lời than, một lời ai oán cho số phận bất hạnh. Qua đó càng nhấn mạnh hơn nữa thân phận chìm nổi, bèo bọt của nàng.



Trong tác phẩm của Nguyễn Du, sắc xanh đã xuất hiện nhiều lần, mỗi lần xuất hiện đều mang ý nghĩa khác nhau. Nếu như trong đoạn trích Cảnh ngày xuân, sắc xanh tượng trưng cho sự sống, tươi tốt mơn mớn, thì trong đoạn trích này màu xanh lại mang một ý nghĩa khác: Buồn trông nội cỏ rầu rầu/ Chân mây mặt đất một màu xanh xanh. Nội cỏ chỉ mang một màu tàn lụi héo úa. Sắc xanh cũng nối chân trời mặt đất với nhau nhưng lại nhạt nhòa, đơn sắc. Tất cả những màu sắc đó hòa điệu với nhau càng khiến cho tâm trạng Kiều trở nên ngao ngán, chán nản hơn. Kiều nhìn ra bốn phía để tìm được sự đồng điệu, tìm sự sẻ chia. Vậy mà, khung cảnh chỉ càng làm nàng thêm u sầu, ảo não. Quả thực "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Dưới con mắt tuyệt vọng của nàng, khung cảnh nào cũng chỉ thấm đầy nỗi buồn chán, bế tắc và vô vọng. Điều đó càng đẩy Kiều rơi vào sâu hơn hố sâu của sự sầu muộn, tuyệt vọng.

Hai câu thơ cuối cùng có thể coi là đỉnh cao của nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, sự hoang mang, rợn ngợp của Kiều đã được tác giả tập trung bút lực thể hiện rõ nhất trong hai câu thơ này:

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi

Cảnh cuối thiên nhiên hiện ra thật dữ dội, đó không chỉ còn là ngoại cảnh mà còn là tâm cảnh, Kiều tưởng mình không còn ngồi ở lầu Ngưng Bích mà đang ngồi giữa biển khơi mênh mông, xung quanh là sóng biển gào thét như muốn nhấn chìm nàng xuống biển. Đặc biệt từ láy "âm âm" vừa diễn tả một khung cảnh khủng khiếp vừa diễn tả tâm trạng buồn lo, hoảng loạn của Thúy Kiều. Nàng đang dự cảm những giông bão của số phận, rồi đây sẽ nổi lên và nhấn chìm cuộc đời mình.

Đoạn thơ đã vận dụng tài tình nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, mỗi cảnh là một tâm trạng, là một nỗi đau mà Kiều phải gánh chịu. Không chỉ vậy Nguyễn Du còn có sự miêu tả theo trình tự hợp lý: từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt nhòa đến đậm nét, khắc họa nỗi buồn da diết của Kiều. Sử dụng hình ảnh ẩn dụ đặc sắc, lớp từ láy giàu giá trị tạo hình và biểu cảm. Tất cả những yếu tố đó góp phần tạo nên thành công cho đoạn trích.

Tám câu thơ cuối, là một tuyệt tác của nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Bằng những bức tranh đặc sắc, Nguyễn Du đã khắc họa được những trạng thái xúc cảm, nỗi cô đơn, lo âu, sợ hãi về tương lai đầy sóng gió của nàng Kiều. Không chỉ vậy, qua bức tranh ấy, Nguyễn Du cho thể hiện niềm cảm thương sâu sắc cho số phận nàng nói riêng và số phận người phụ nữ nói chung dưới chế độ phong kiến.

Bài văn mẫu 5: Cảm nhận về 8 câu thơ cuối Kiều lầu Ngưng Bích

Nhà nghiên cứu Phạm Quỳnh từng khẳng định: "Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn", còn nhà thơ Chế Lan Viên lắng sâu và tinh tế khi cất lên lời thơ: "Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn". Bao thế kỉ qua, Truyện Kiều đã trở thành

món ăn tinh thần không thể thiếu với mỗi người dân Việt Nam. Những trang thơ có sức cuốn hút diệu kỳ, vương vấn mãi tâm hồn ta, mang đến cho ta niềm cảm thương sâu sắc với "tám gương oan khổ" Thúy Kiều, đem lại cho ta những khoái cảm thẩm mỹ đặc biệt trước những lời thơ như hoa, như gấm:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*

Tám câu thơ trích trong đoạn Kiều ở lầu Ngưng Bích. Đây là những vần thơ có sức ám ảnh nhất của đoạn trích, diễn tả thành công "nỗi lòng tê tái" của Kiều trong những ngày đầu tiên của kiếp đoạn trường.

Hai tiếng "buồn trông" được lặp lại bốn lần trong đoạn trích, vừa như gói trọn tâm thế của Kiều "trước lầu Ngưng Bích", vừa tạo nhịp điệu đều đều, buồn thương cho đoạn thơ. Ở nơi "khóa xuân", Kiều chỉ biết lấy thiên nhiên làm điểm tựa, và từ điểm tựa đó nàng nhận thức về số kiếp của mình. Tâm nhìn của nàng trước hết hướng ra xa, vì nơi xa đó là nhà nàng, là nơi có những người thân yêu nhất:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?*

Không gian xa rộng, quạnh hiu nơi cửa bể như càng làm nổi rõ hơn thân phận nhỏ bé, cô đơn của Kiều. Không gian ấy cộng hưởng cùng thời gian "chiều hôm" - thời khắc gợi nhớ, gợi buồn - khiến như thấm sâu hơn vào tâm hồn người con gái nơi xứ lạ nỗi niềm xót xa. Giữa khung cảnh ấy, trái tim cô đơn, tâm hồn trống vắng cần lắm một hơi ấm, một sự hiện diện của sự sống:

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?

"Thuyền" chính là hình ảnh biểu tượng cho sự sống con người. Nhưng đó là sự hiện hữu mờ mờ, như có như không, được diễn tả qua hai từ "thấp thoáng", "xa xa". Sự xuất hiện

mờ ảo của cánh bướm không làm cho khung cảnh thêm thân mật, ấm áp mà càng gợi sầu, gợi cảm giác cô liêu cho con người. Không tìm thấy sự sẻ chia từ nơi cửa biển xa xăm, Kiều hướng tầm mắt về "ngọn nước" gần mình hơn:

Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Giữa dòng nước, cánh hoa trôi man mác như gợi nhắc thân phận cảnh bèo trôi dạt của người trong cảnh. Câu hỏi tu từ như xoáy vào tâm hồn người đọc. Thân phận cánh hoa hay chính là những trần trở, xót xa cho số kiếp mỏng manh, phiêu bạt của Kiều? Hai tiếng "về đâu" cuối câu thơ với thanh không càng tạo cảm giác xa vắng, vô định, như tương hợp với tâm thế hiện thời của Kiều. Tìm đến với thiên nhiên đó mong sao với bớt mối sầu chất chứa trong lòng nhưng càng nhìn cảnh, tâm trạng lại càng rối bời. Dường như nước gợi lên sự lạnh lẽo, bất định, chảy trôi nên Kiều tìm về với bờ cỏ xanh, với mặt đất:

Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Nhưng cỏ cũng mang tâm trạng buồn thương của người: "rầu rầu". Đâu còn là "cỏ non" xanh tận chân trời trong tiết thanh minh khi Kiều còn sống những ngày tháng "Êm đềm trướng rủ màn che". Cảnh nơi xứ lạ như thấu cảm nỗi niềm của Kiều nên nhuộm màu tâm tư của kiếp người phiêu bạt. Nỗi "rầu rầu" ấy tràn ngập, lan tỏa khắp không gian:

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

Cái nhìn bao quát từ "chân mây" xa xăm đến "mặt đất" gần gũi, tất cả đều "một màu xanh xanh". Nó khác lắm cái sắc xanh tràn ngập nhựa sống của tiết trời mùa xuân.

Cỏ non xanh tận chân trời và cũng không giống màu áo xanh tinh khôi của chàng Kim trong ngày đầu gặp gỡ:

Tuyết in sắt ngựa câu giòn.

Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.

Màu xanh của không gian nơi lầu Ngưng Bích là màu xanh gợi buồn. Nỗi buồn của người pha vào cảnh vật, mang theo bao tái tê. Không gian trở nên rợn ngợp, cô liêu. Sự vắng lặng bao trùm cảnh vật càng tô đậm tiếng lòng thổn thức của người trong cảnh. Kiều cảm thấy cần một tiếng vọng của sự sống con người nhưng đáp lại nàng chỉ có những thanh âm hào hùng của thiên nhiên:

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh.

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Gió thổi, nước trôi... tất cả đều gợi sự chảy trôi, như thân phận "Bên trời góc bể bơ vơ" của nàng Kiều. Âm thanh của tiếng sóng âm âm như tiếng gào thét của lòng người trong cảnh ngộ bẽ bàng, tê tái. Tầm nhìn của Kiều hướng từ xa về gần, từ cao đến thấp, mong mỏi kiếm tìm một sự đáp vọng. Thanh âm duy nhất đáp lại nàng là tiếng sóng "âm âm" "kêu quanh ghé ngòi". Nó không làm cho không gian vang động hơn mà càng khắc sâu thêm tâm trạng đau đớn lẫn dự cảm lo âu về tương lai của Kiều. Xót xa biết bao, đau đớn biết bao! Chỉ có thiên nhiên bên nàng, sẽ chia "tấm lòng" với nàng. Đó chính là thời khắc Kiều thấm thía nhất nỗi niềm tự thương thân.

Thơ ca chỉ tìm được bến neo đậu nơi lòng người khi đó là tiếng lòng tha thiết, được tạo tác bởi tài năng nghệ thuật chân chính. Đoạn thơ này của Nguyễn Du đã làm được điều đó. Nó không chỉ khắc họa thành công nỗi lòng xót xa, tâm trạng bẽ bàng của Kiều mà còn cho ta thấy nghệ thuật tả cảnh ngụ tình bậc thầy của đại thi hào dân tộc. Âm hưởng của những câu thơ này đã, đang và sẽ vang động mãi trong tâm trí người đọc.

Bài văn mẫu 6: Cảm nhận về 8 câu thơ cuối Kiều lầu Ngưng Bích

Tám câu thơ cuối trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích có lẽ là tám câu thơ tả cảnh ngụ tình hay nhất trong tác phẩm, qua đó đã diễn tả sinh động tâm trạng Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, để lại ấn tượng không thể nào quên cho người đọc:

Buồn trông cửa bể chiều hôm,

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?

Buồn trông ngọn nước mới sa,

Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Buồn trông nội cỏ rầu rầu,

Chăn mây mặt đất một màu xanh xanh.

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,

Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghé ngòi.

Khung cảnh thiên nhiên của cửa biển trước lầu Ngưng Bích như hiện lên trước mắt ta: một nỗi buồn chiều hoàng hôn đẹp nhưng buồn và quạnh hiu. Đó là những con thuyền với những cánh buồm trắng nhấp nhô, con sóng bạc dập dềnh cuốn trôi từng cánh hoa, lác đác rơi trong ánh nắng cuối chiều, trắng cỏ xanh uơm nối liền đường chân trời xanh vô tận. Cùng với âm thanh dữ dội của biển khơi như một nét chấm phá cho cảnh vật, bức tranh thiên nhiên chứa đựng trong nó biết bao nỗi niềm chất chứa của con người...

Qua những ngôn từ và hình ảnh miêu tả cảnh vật, bằng cách sử dụng khéo léo và tinh tế bút pháp tả cảnh ngụ tình, Nguyễn Du đã cho ta hiểu và cảm thương với tâm trạng nàng Kiều.

Điệp ngữ buồn trông được sử dụng xuyên suốt đoạn trích tạo thành điệp khúc cho đoạn thơ và cũng tạo nên điệp khúc tâm trạng Thúy Kiều. Nỗi buồn trong Kiều như trào dâng như lớp sóng ồ ạt dồn về phía đại dương mênh mông. Nỗi niềm đó cứ triền miên, cứ dai dẳng, đeo bám, tạo thành cái vòng luẩn quẩn không lối thoát, con người ta có muốn vùng thoát ra mà cũng không thể nào được. Mỗi cảnh vật như đều nói lên nỗi niềm tâm sự ấy.

Buồn trông cửa bể chiều hôm,

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?

Con thuyền không bến đậu, không nơi chôn quay về gợi nhớ nỗi nhớ, nỗi cô đơn của người đi xa, muốn trở về bên gia đình êm ấm, bên bạn bè thân thương, điều này vô cùng phù hợp với cảnh ngộ của Kiều.

Buồn trông ngọn nước mới sa,

Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Cuộc đời Kiều bây giờ như cánh hoa mỏng manh trước sóng to gió lớn, chỉ biết mặc cho bão bùng, mưa giông vùi dập. Câu thơ bộc lộ nỗi lo lắng, xót xa, buồn tủi về cảnh ngộ lênh đênh chìm nổi trước sóng gió cuộc đời.

Buồn trông nội cỏ rầu rầu,

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.

Thảm cỏ, biển cả với màu xanh vô vọng thật buồn và âm đạm. Liệu có phải cánh cửa tương lai đang khép lại trước mắt Kiều, hồ đen tuyệt vọng của số phận như lấp hết cả ước mơ và khát khao.

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Ngoài kia, biển xanh đang cuộn sóng. Những âm thanh gợi sự việc kinh khủng, hãi hùng, như dự báo tai biến, nguy nan như chực đổ xuống thân phận bé nhỏ của Kiều.

Lần lượt từng câu hỏi tu từ vang lên như muốn xoáy sâu vào tâm can người đọc. Ta như hiểu, cảm thông, thương xót cho những lo lắng rồi bờ cùng nỗi hoảng sợ tuyệt vọng của Kiều trước tương lai vô định.

Có thể nói, đây là tám câu thơ tả cảnh ngụ tình hay nhất xuyên suốt tác phẩm. Qua bức tranh thiên nhiên, ta xót xa, thương cảm cho số phận người con gái tài hoa bạc mệnh, qua đó cũng bày tỏ niềm đồng cảm, trân trọng của Nguyễn Du đối với số phận người phụ nữ dưới chế độ phong kiến xưa.